

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013

Tháng 8 năm 2013



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, Cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Ngày 27 tháng 08 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
 Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3406/2013/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 27 tháng 08 năm 2013 từ trang 4 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
 GCNĐKHNKT số 0748-2013-072-1
 Ngày 27 tháng 08 năm 2013

Phạm Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
 GCNĐKHNKT số 1693-2013-072-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.894.751.500	433.003.091.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.884.372.462	103.421.045.480
1. Tiền	111		37.294.522.892	13.247.925.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.589.849.570	90.173.120.290
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.967.343.609	93.812.818.953
1. Phải thu khách hàng	131		65.123.623.671	55.926.135.620
2. Trả trước cho người bán	132		122.482.786.772	34.357.487.870
3. Các khoản phải thu khác	135		13.360.933.166	3.529.195.463
III. Hàng tồn kho	140		177.069.168.313	195.577.712.457
1. Hàng tồn kho	141	5.2	177.069.168.313	195.577.712.457
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.973.867.116	40.191.514.739
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.828.151.326	3.247.555.086
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.221.297.777	5.472.792.052
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	11.924.418.013	31.471.167.601
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		511.470.322.422	467.490.698.249
I. Tài sản cố định	220		439.511.489.713	430.583.448.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	377.248.803.476	382.879.490.393
- Nguyên giá	222		527.335.450.261	509.875.045.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.086.646.785)	(126.995.555.349)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	22.133.220.218	22.470.972.828
- Nguyên giá	228		24.065.517.400	24.100.217.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.932.297.182)	(1.629.244.572)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	40.129.466.019	25.232.985.218
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		63.945.437.080	30.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	62.445.437.080	29.100.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	1.500.000.000	1.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.013.395.629	6.307.249.810
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.809.819.862	6.126.005.353
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		203.575.767	181.244.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		952.365.073.922	900.493.789.878

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		426.365.339.004	373.901.324.306
I. Nợ ngắn hạn	310		379.146.099.004	357.290.324.306
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	285.441.761.848	229.171.132.347
2. Phải trả người bán	312		54.215.066.215	104.929.794.720
3. Người mua trả tiền trước	313		7.629.760.644	7.335.071.112
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	2.975.970.594	5.489.113.789
5. Phải trả người lao động	315		5.496.772.448	5.294.499.797
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	21.559.828.616	1.437.598.209
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.826.938.639	3.633.114.332
II. Nợ dài hạn	330		47.219.240.000	16.611.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	47.219.240.000	16.611.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		517.619.756.748	518.556.655.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	517.619.756.748	518.556.655.257
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		198.000.000.000	198.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		130.933.926.549	130.933.926.549
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.209.874.449	10.408.445.862
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.088.448.201	10.287.019.614
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.632.061.783	8.738.885.556
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		151.755.445.766	160.188.377.676
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.379.978.170	8.035.810.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		952.365.073.922	900.493.789.878



Nguyễn Lê Trung
Tông Giám đốc

Hải Dương, Ngày 27 tháng 08 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng	01	6.1	520.635.088.364	481.787.640.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	631.728.987	464.568.088
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		520.003.359.377	481.323.072.240
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	427.250.294.203	390.157.919.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		92.753.065.174	91.165.153.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.955.485.663	692.872.437
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.417.451.599	18.356.922.683
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.019.858.226	17.517.667.990
8. Chi phí bán hàng	24		30.606.064.496	28.704.061.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.490.591.017	15.040.068.311
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.194.443.725	29.756.972.691
11. Thu nhập khác	31		1.153.830.309	1.562.687.928
12. Chi phí khác	32		18.512.202	583.494.329
13. Lợi nhuận khác	40		1.135.318.107	979.193.599
14. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		1.137.021.975	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.466.783.807	30.736.166.290
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	6.790.001.657	4.732.174.913
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(22.331.310)	(253.135.587)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		30.699.113.460	26.257.126.964
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		344.167.855	320.387.134
18.2. Lợi nhuận sau thuế của công ty công ty mẹ	62		30.354.945.605	25.936.739.830
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	1.533	2.620



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Ngày 27 tháng 08 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòa
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>37.466.783.807</i>	<i>30.736.166.290</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	23.394.144.046	23.292.898.452
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.131.605.775	16.660.988
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.305.688.743)	(12.481.081)
- Chi phí lãi vay	06	10.019.858.226	17.517.667.990
<i>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>70.706.703.111</i>	<i>71.550.912.639</i>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(83.356.280.793)	20.516.292.122
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	18.508.544.144	(43.806.910.177)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	45.812.084.575	16.164.549.310
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.264.410.749)	(222.163.625)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.019.858.226)	(15.222.667.990)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.582.147.322)	(5.584.479.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	32.680.000	11.560.770.582
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.084.826.465)	(8.957.586.911)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>16.752.488.275</i>	<i>45.998.716.546</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(131.468.364.888)	(27.528.210.038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	231.818.182
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.151.197.105)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	50.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.248.470.743	44.200.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(161.371.091.250)	22.747.808.612
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	5.620.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.041.638.419	368.099.789.979
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(413.162.768.918)	(449.736.300.174)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.192.000)	(1.216.022.713)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	86.873.677.501	(77.232.532.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(57.744.925.474)	(8.486.007.750)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	103.421.045.480	32.921.082.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	208.252.456	(13.986.590)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	45.884.372.462	24.421.087.757



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Ngày 27 tháng 08 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 20 tháng 12 năm 2012.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Công ty con

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 01 năm 2013.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 30/06/2013 là 1071 người.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 20 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 02 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh. Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của công ty liên kết chưa được soát xét.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 1 công ty con, chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Hoạt động chính: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 : 79.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 91,86%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 91,86%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	8 - 25
Tài sản khác	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian Công ty được phép sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Phần mềm máy vi tính	3

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 2, 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	140.055.863	709.046.310
Tiền gửi ngân hàng	37.154.467.029	12.538.878.880
Tương đương tiền	8.589.849.570	90.173.120.290
Cộng	45.884.372.462	103.421.045.480

5.2. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	542.023.006	229.177.401
Nguyên liệu, vật liệu	125.795.856.670	139.484.901.314
Công cụ, dụng cụ	5.095.263.353	4.183.399.199
Chi phí SXKD dở dang	16.198.843.950	11.809.024.855
Thành phẩm	29.347.806.396	39.871.209.688
Hàng gửi đi bán	89.374.938	-
Cộng	177.069.168.313	195.577.712.457

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 154.036.431.862 đồng.

5.3. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.903.576	42.678.971
Tạm ứng	8.224.633.567	28.668.206.309
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.694.880.870	2.760.282.321
Cộng	11.924.418.013	31.471.167.601

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5.4. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ													
Số dư tại ngày 01/01/2013	99.046.347.531	353.048.700.774	39.002.760.051	2.112.879.386	15.670.983.000	993.375.000	509.875.045.742						
Mua trong kỳ	-	18.653.303.831	18.950.000	11.363.636	-	-	18.683.617.467						
Giảm khác	-	320.241.962	54.196.000	848.774.986	-	-	1.223.212.948						
Số dư tại ngày 30/06/2013	99.046.347.531	371.381.762.643	38.967.514.051	1.275.468.036	15.670.983.000	993.375.000	527.335.450.261						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ													
Số dư tại ngày 01/01/2013	13.797.453.445	100.571.887.824	10.052.539.712	945.566.679	1.512.388.493	115.719.196	126.995.555.349						
Khấu hao trong kỳ	2.799.041.424	17.989.795.896	2.366.927.940	205.332.681	419.773.260	50.455.556	23.831.326.757						
Giảm khác	-	241.900.771	23.702.040	474.632.510	-	-	740.235.321						
Số dư tại ngày 30/06/2013	16.596.494.869	118.319.782.949	12.395.765.612	676.266.850	1.932.161.753	166.174.752	150.086.646.785						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI													
Số dư tại ngày 01/01/2013	85.248.894.086	252.476.812.950	28.950.220.339	1.167.312.707	14.158.594.507	877.655.804	382.879.490.393						
Số dư tại ngày 30/06/2013	82.449.852.662	253.061.979.694	26.571.748.439	599.201.186	13.738.821.247	827.200.248	377.248.803.476						

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 311.274.558.865 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5.5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	24.019.631.740	80.585.660	24.100.217.400
Giảm khác	-	34.700.000	34.700.000
Số dư tại ngày 30/06/2013	24.019.631.740	45.885.660	24.065.517.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.563.869.912	65.374.660	1.629.244.572
Khấu hao trong kỳ	322.541.610	4.990.000	327.531.610
Giảm khác	-	24.479.000	24.479.000
Số dư tại ngày 30/06/2013	1.886.411.522	45.885.660	1.932.297.182
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2013	22.455.761.828	15.211.000	22.470.972.828
Số dư tại ngày 30/06/2013	22.133.220.218	-	22.133.220.218

5.6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cho Dự án Nhà máy I mở rộng.

5.7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013 Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 946.582 cổ phiếu tương đương với 31,55% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krap, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty liên kết có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mỹ Sơn - Tây Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty liên kết"). Đến thời điểm ngày 30/06/2013 Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã góp được 29,1 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn là 19,14%. Công ty liên kết được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế công ty cổ phần số 5200653527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/06/2011. Trụ sở của Công ty liên kết tại số 336, đường Thành Công, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết là khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; tái chế phế liệu; lắp đặt hệ thống điện; đại lý, môi giới, đấu giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh dưới hình thức mua trái phiếu theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26/7/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh và Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát về việc mua trái phiếu chuyển đổi tổng mệnh giá 1.500.000.000 VND, đáo hạn năm 2014 với lãi suất 18%/năm. Công ty Cổ phần Truyền thông Bình Minh có địa chỉ tại P302, nhà D, khu nhà Vinaconex 3, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102726217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/04/2008.

5.9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	69.385.965.107	61.518.462.259
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	2.585.363.216	13.227.383.758
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	27.205.035.417	23.271.049.002
Ngân hàng Công thương VN - CN Hải Dương (iv)	121.930.520.954	89.843.040.185
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (v)	2.690.101.450	30.296.830.983
Ngân hàng TNHH MTV Shinhai Vietnam (vi)	16.730.918.610	11.014.366.160
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (vii)	22.258.072.590	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Hải Dương (viii)	22.655.784.504	-
Cộng	285.441.761.848	229.171.132.347

(i) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.962.570,00 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 27.818.732.507 đồng. Lãi suất các khoản vay bằng VND từ 10% đến 11%/năm, lãi suất các khoản vay bằng USD từ 4,5% đến 6%/năm.

(ii) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đó toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 2.585.363.216 đồng. Các khoản vay của Công ty có lãi suất từ 7% đến 7,5%/năm đối với các khoản vay bằng VND.

(iii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.284.467 USD với lãi suất 5%/năm.

(iv) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ 5.134.980 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 13.171.654.085 đồng. Các khoản vay có lãi suất từ 4,5% đến 5,5%/năm đối với khoản vay bằng USD và lãi suất từ 9,5% đến 10%/năm đối với các khoản vay bằng VND.

(v) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ, toàn bộ số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 127.011 USD với lãi suất từ 4,9% đến 5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(vi) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Vietnam, toàn bộ số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 789.940 USD với lãi suất 4,7%/năm.

(vii) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Hải Dương, trong đó toàn bộ số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.050.900,5 USD. Lãi suất theo các khế ước nhận nợ là 4,3%/năm.

(viii) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 352.192,5 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 15.196.347.353 đồng.

5.10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	50.648.987	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.886.216.762	5.432.489.086
Thuế thu nhập cá nhân	39.104.845	56.624.703
Cộng	2.975.970.594	5.489.113.789

5.11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	74.797.514	33.332.774
Bảo hiểm xã hội	61.437.461	8.922.784
Bảo hiểm y tế	2.352.546	1.673.551
Bảo hiểm thất nghiệp	910.211	744.691
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	263.208.800	202.953.642
Cổ tức phải trả	19.800.000.000	5.192.000
Phải trả, phải nộp khác	1.357.122.084	1.184.778.767
Cộng	21.559.828.616	1.437.598.209

5.12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	46.719.240.000	16.011.000.000
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Hải Dương (ii)	500.000.000	600.000.000
Cộng	47.219.240.000	16.611.000.000

(i) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo 2 hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 213/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 13/6/2013 và 214/HĐTD/TH-PN/PGBHD/13 ngày 13/6/2013. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất của các khoản vay này từ 12% đến 13,5%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, lãi suất của các khoản vay này ở mức 11%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND						VND	VND	
Số dư tại 01/01/2012	99.000.000.000	107.100.000.000		(136.775.000)	7.106.686.273	6.394.577.025	4.073.424.158	126.817.335.997	350.355.248.453	
Lãi năm trước	99.000.000.000	23.833.926.549		-	-	-	-	55.141.777.899	177.975.704.448	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.301.759.589	3.301.759.589	4.387.482.749	(21.349.962.053)	(10.358.960.126)	
Tặng khác	-	-	-	-	-	590.683.000	455.449.449	10.429.625.834	11.475.758.283	
Đánh giá tăng trong kỳ	-	-	-	309.487.558	-	-	-	-	309.487.558	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(10.850.400.000)	(10.850.400.000)	
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	0	(177.470.800)	-	(177.470.800)	
Đánh giá giảm trong kỳ	-	-	-	(172.712.558)	-	-	-	-	(172.712.558)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(1)	(1)	
Số dư tại 31/12/2012	198.000.000.000	130.933.926.549		-	10.408.445.862	10.287.019.614	8.738.885.556	160.188.377.676	518.556.655.257	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	30.354.945.605	30.354.945.605	
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	2.801.428.587	2.801.428.587	3.672.933.897	(17.742.004.173)	(8.466.213.102)	
Đánh giá tăng trong kỳ	-	-	-	2.998.149.224	-	-	-	-	2.998.149.224	
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)	
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.779.757.670)	-	(1.779.757.670)	
Đánh giá giảm trong kỳ	-	-	-	(2.998.149.224)	-	-	-	-	(2.998.149.224)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.245.873.342)	(1.245.873.342)	
Số dư tại 30/06/2013	198.000.000.000	130.933.926.549		-	13.209.874.449	13.088.448.201	10.632.061.783	151.755.445.766	517.619.756.748	

(i) Phân chia lợi nhuận của Công ty mẹ năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0501/2013/NQ-DHD ngày 20 tháng 05 năm 2013: Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển là 5%, riêng quỹ khen thưởng là 15% lợi nhuận năm 2012, chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu là 19.800.000.000 đồng. Phân chia lợi nhuận của Công ty con năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1706/2013/NQ-DHD ngày 17 tháng 06 năm 2013: Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	198.000.000.000
Cộng	198.000.000.000	198.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	198.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	198.000.000.000	99.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.800.000.000	1.797.812.356

d. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.800.000	19.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.800.000	19.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>19.800.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.800.000	19.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>19.800.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	520.635.088.364	481.787.640.328
Doanh thu bán hàng hóa	33.795.926.126	35.275.270.955
Doanh thu bán các thành phẩm	486.839.162.238	446.512.369.373
Các khoản giảm trừ doanh thu	631.728.987	464.568.088
Giảm giá hàng bán	567.666.332	258.482.770
Hàng bán bị trả lại	64.062.655	206.085.318
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	520.003.359.377	481.323.072.240

6.2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	31.795.798.802	31.585.078.223
Giá vốn bán thành phẩm	395.454.495.401	358.572.840.909
Cộng	427.250.294.203	390.157.919.132

6.3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.169.938.743	42.265.551
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.649.751.809	650.606.886
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.111	-
Lãi từ đầu tư trái phiếu	135.750.000	-
Cộng	3.955.485.663	692.872.437

6.4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.019.858.226	17.517.667.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.265.942.487	839.254.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.131.650.886	-
Cộng	13.417.451.599	18.356.922.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6.5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	37.466.783.807	30.736.166.290
Tổng thu nhập chịu thuế	37.466.783.807	30.736.166.290
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	18.518.160.885	25.640.017.965
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	17.900.926.187	6.108.690.673
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tỷ lệ thuế được giảm	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.790.001.657	4.732.174.913
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.790.001.657	4.732.174.913

6.6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	30.354.945.605	25.936.739.830
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.354.945.605	25.936.739.830
Cổ phiếu lưu hành bình quân	19.800.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	1.533	2.620
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6.7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	429.640.135.164	393.701.199.203
Chi phí nhân công	31.769.038.907	26.191.136.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.394.144.046	23.451.401.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.146.254.196	23.892.688.168
Chi khác bằng tiền	8.077.322.802	13.505.048.297
Cộng	522.026.895.115	480.741.473.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày, thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9 “*Vay và nợ ngắn hạn*” và 5.12 “*Vay và nợ dài hạn*” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4. “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*”.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.884.372.462	103.421.045.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.484.556.837	59.455.331.083
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	125.868.929.299	164.376.376.563
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	332.661.001.848	245.782.132.347
Phải trả người bán và phải trả khác	75.774.894.831	106.367.392.929
Cộng	408.435.896.679	352.149.525.276

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (USD)	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.091.195,19	2.038.983,00
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.796.599,45	2.431.078,24
Cộng	3.887.794,64	4.470.061,24
	Công nợ phải trả (USD)	
	30/06/2013	01/01/2013
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.702.061,00	8.034.081,00
Phải trả người bán và phải trả khác	1.928.450,00	4.591.589,00
Cộng	12.630.511,00	12.625.670,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Các khoản vay	285.441.761.848	47.219.240.000	332.661.001.848
Phải trả người bán và phải trả khác	75.774.894.831	-	75.774.894.831
Cộng	361.216.656.679	47.219.240.000	408.435.896.679
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay	229.171.132.347	16.611.000.000	245.782.132.347
Phải trả người bán và phải trả khác	106.367.392.929	-	106.367.392.929
Cộng	335.538.525.276	16.611.000.000	352.149.525.276

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.884.372.462	-	45.884.372.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.484.556.837	-	78.484.556.837
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	124.368.929.299	1.500.000.000	125.868.929.299
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.421.045.480	-	103.421.045.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.455.331.083	-	59.455.331.083
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	162.876.376.563	1.500.000.000	164.376.376.563

7.2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị	330.000.000	330.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Giám đốc	867.875.000	635.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Cộng	1.329.875.000	1.097.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên.


7.4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Ngày 27 tháng 08 năm 2013


Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Hồ Thị Hòe
Người lập biểu